

THE IMPACT OF THE EU CBAM (MECHANISM) ON VIETNAM'S ENERGY SECTOR TÁC ĐỘNG CỦA (CƠ CHẾ) CBAM CHÂU ÂU ĐẾN NGÀNH NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM

*Ngư Trương, Managing Partner
Trang Nguyen, Senior Associate*

Takeaways Tiêu điểm

- (1) **CBAM:** The European Union's Carbon Border Adjustment Mechanism (CBAM) imposes a carbon levy on imported goods with high emission intensity. This mechanism aims to prevent carbon leakage and promote a global transition towards greener and more sustainable production practices.
CBAM: Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) của EU áp thuế carbon lên hàng hóa nhập khẩu có cường độ phát thải cao, nhằm ngăn chặn rò rỉ carbon và thúc đẩy chuyển dịch xanh toàn cầu.
- (2) **Scope and Implementation Timeline:** CBAM will take effect from 2026, initially applying to carbon-intensive goods such as steel, cement, fertilizers, aluminium, electricity, and hydrogen. The mechanism is expected to expand to cover additional sectors after 2030.
Phạm vi và lộ trình áp dụng: CBAM có hiệu lực từ năm 2026, áp dụng trước mắt với các mặt hàng như thép, xi măng, phân bón, nhôm, điện và hydro; dự kiến sẽ mở rộng sau 2030.
- (3) **EU – A Key Export Market for Vietnam:** The European Union is Vietnam's second-largest export partner, with a total export value exceeding USD 51 billion (2024). Many of these exports come from electricity-intensive industries such as electronics, textiles and garments, and footwear.
EU – Thị trường xuất khẩu trọng yếu của Việt Nam: EU là đối tác xuất khẩu lớn thứ hai của Việt Nam với kim ngạch hơn 51 tỷ USD (2024), gồm nhiều ngành sử dụng điện cường độ cao như điện tử, dệt may, da giày.
- (4) **Impact on Vietnam's Energy Sector:** Although electricity is not directly taxed under CBAM at this stage, the mechanism exerts significant pressure on Vietnam's energy infrastructure due to its requirements for emissions transparency across the supply chain.
Tác động đến ngành năng lượng Việt Nam: Dù điện chưa bị đánh thuế trực tiếp, CBAM gây áp lực mạnh đến hạ tầng năng lượng do yêu cầu minh bạch hóa phát thải trong chuỗi cung ứng.
- (5) **Three Major Challenges:** (1) Exporting enterprises are compelled to green their electricity sources; (2) Vietnam must address bottlenecks in the power transmission network, electricity market, and renewable energy pricing; and (3) Limited access to international capital if ESG and Net Zero criteria are not met.
Ba thách thức lớn: (1) Doanh nghiệp xuất khẩu buộc phải xanh hóa nguồn điện; (2) Việt Nam phải tháo gỡ điểm nghẽn trong lưới truyền tải, thị trường điện và giá năng lượng tái tạo; và (3) Khó tiếp cận vốn quốc tế nếu không đáp ứng tiêu chí ESG và Net Zero.

Starting in 2026, the Carbon Border Adjustment Mechanism (CBAM) will be fully enforced across the European Union (EU). As part of the European Green Deal, CBAM aims to reduce greenhouse gas emissions while preventing “carbon leakage” from countries with lower environmental standards. Although CBAM does not directly impose carbon tariffs on Vietnam’s electricity sector, the mechanism is expected to have far-reaching implications for the country’s energy industry – which serves as the backbone of the economy and the largest source of carbon emissions.

Từ năm 2026, Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (Carbon Border Adjustment Mechanism – CBAM) sẽ chính thức có hiệu lực toàn diện tại Liên minh châu Âu (EU). Đây là một phần trong Chiến lược Thỏa thuận Xanh (European Green Deal), với mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, đồng thời ngăn chặn tình trạng “rò rỉ carbon” từ các quốc gia có tiêu chuẩn môi trường thấp hơn. Mặc dù CBAM không trực tiếp áp thuế lên ngành điện của Việt Nam, nhưng cơ chế này sẽ có tác động lan tỏa sâu rộng đến ngành năng lượng – vốn là xương sống của nền kinh tế và là nguồn phát thải lớn nhất.

1. Overview about CBAM Tổng quan về CBAM

(a) Definition and Legal Basis Khái niệm và cơ sở pháp lý

CBAM is a policy instrument that applies to a carbon tax on imported products with high greenhouse gas emission intensity, such as steel, cement, and certain types of electricity.

CBAM một công cụ chính sách áp dụng thuế carbon đối với các sản phẩm có cường độ phát thải khí nhà kính cao như thép, xi măng và một số loại điện khi được nhập khẩu vào EU.

CBAM is established under **Regulation (EU) 2023/956**, adopted on 10 May 2023 and **effective as of 17 May 2023**. The mechanism will be

officially implemented starting from 2026, following a transitional phase requiring emissions reporting beginning in 2023.

CBAM được quy định tại Quy định (EU) 2023/956, ban hành ngày 10/5/2023 và có hiệu lực kể từ ngày 17/5/2023. Cơ chế sẽ chính thức áp dụng từ năm 2026, sau khi trải qua giai đoạn chuyển tiếp báo cáo phát thải từ năm 2023.

The regulation was adopted by the European Parliament with 450 votes in favor, 115 against, and 55 abstentions, and was subsequently approved by the Council of the European Union with the support of 24 Member States.

CBAM đã được Nghị viện châu Âu thông qua với 450 phiếu thuận, 115 phiếu chống và 55 phiếu trắng, và được Hội đồng Liên minh châu Âu phê chuẩn với sự ủng hộ của 24 quốc gia thành viên.

(b) Key Objectives and Operating Mechanism Mục tiêu chính và cơ chế hoạt động

CBAM pursues two core objectives:

CBAM có hai mục tiêu cốt lõi, bao gồm:

- **Preventing carbon leakage:** The mechanism aims to ensure that companies do not relocate production to countries with lax emission standards in order to avoid carbon costs.

Ngăn ngừa rò rỉ carbon: nhằm đảm bảo rằng các công ty không di chuyển sản xuất sang các quốc gia có tiêu chuẩn phát thải lỏng lẻo để tránh chi phí carbon.

- **Equalizing carbon costs:** Importers into the EU will be required to purchase CBAM certificates corresponding to the amount of CO₂ emissions embedded in their products. The price of these certificates is based on the prevailing market price under the EU Emissions Trading System (EU ETS).

Cân bằng chi phí carbon: các nhà nhập khẩu vào EU sẽ phải mua "chứng chỉ CBAM" tương đương với lượng khí CO₂ phát

thải của sản phẩm, tính toán theo giá thị trường trong Hệ thống Mua bán Phát thải của Liên minh châu Âu (EU Emissions Trading System (EU-ETS)).

This approach seeks to level the playing field between domestically produced goods (already subject to carbon pricing under the EU ETS) and imported goods, thereby preserving the integrity of the EU's green transition efforts.

Điều này giúp cân bằng chi phí giữa sản phẩm nội địa (đã chịu thuế carbon trong EU) và hàng hóa nhập khẩu, tránh làm suy yếu nỗ lực chuyển dịch xanh trong EU.

(c) **Implementation Phases**
Các giai đoạn triển khai

Transitional Phase (October 2023 – December 2025): Importers into the EU are required to report the embedded emissions of their goods but are not yet obligated to pay CBAM charges. This phase serves as a trial period to standardize data and reporting methodologies.

Giai đoạn chuyển tiếp (tháng 10/2023 – 12/2025): Doanh nghiệp nhập khẩu vào EU phải kê khai lượng phát thải gắn với hàng hóa nhưng chưa phải nộp phí CBAM. Đây là giai đoạn thử nghiệm để chuẩn hóa dữ liệu.

Actual Payment Phase (from 01 January 2026): Importers will begin purchasing and surrendering CBAM certificates corresponding to the verified emissions associated with their imported goods.

Giai đoạn thanh toán thực tế (từ ngày 01/01/2026): Doanh nghiệp bắt đầu mua và nộp chứng chỉ CBAM tương ứng với lượng phát thải thực tế đã được báo cáo và xác minh.

Expansion and Adjustment Phase (2026 – 2034): The EU will expand the list of goods covered by CBAM and gradually phase out free emission allowances under the domestic EU ETS to ensure a level playing field between domestic and imported products.

Giai đoạn mở rộng và điều chỉnh (2026 – 2034): EU mở rộng danh mục hàng hóa chịu CBAM và đồng thời cắt giảm dần hạn ngạch phát thải miễn phí trong hệ thống ETS nội địa nhằm đảm bảo sự công bằng giữa hàng hóa sản xuất trong và ngoài EU.

(d) **Scope of Application**
Phạm vi áp dụng

In its initial phase, CBAM focuses on **six** carbon-intensive product categories: **iron and steel, cement, aluminum, fertilizers, electricity, and hydrogen**. The EU plans to expand CBAM's coverage to additional sectors after 2026, depending on the progress of global climate policies and the outcome of internal impact assessments.

Giai đoạn đầu CBAM tập trung vào sáu nhóm hàng hóa có mức phát thải cao: thép và sắt, xi măng, nhôm, phân bón, điện và hydro. EU có kế hoạch mở rộng phạm vi áp dụng sang các ngành khác sau năm 2026 tùy theo tiến trình chính sách khí hậu toàn cầu và đánh giá tác động nội khối.

(e) **Linkage with the EU ETS**
Mối liên hệ với EU-ETS

CBAM is designed to operate in parallel with the EU Emissions Trading System (EU ETS) – the bloc's internal carbon pricing mechanism implemented since 2005. The price of CBAM certificates is pegged to the prevailing market price under the EU ETS. At the same time, CBAM facilitates **the gradual phase-out of free ETS allowances** for EU-based companies, thereby enhancing the effectiveness of the carbon market and accelerating the green transition.

CBAM được thiết kế để vận hành song hành với hệ thống EU-ETS – cơ chế định giá carbon nội khối của EU đã triển khai từ năm 2005. Giá của chứng chỉ CBAM được tính theo giá thị trường trong ETS. Đồng thời, CBAM cũng giúp loại bỏ dần việc phân bổ miễn phí chứng chỉ ETS cho doanh nghiệp EU, nhằm tăng hiệu lực thị trường carbon và thúc đẩy chuyển đổi xanh.

(f) **Benefits and Limitations**
Lợi ích và hạn chế

Benefits:

Lợi ích:

- Helps prevent carbon leakage and safeguards the effectiveness of internal climate policies.
Hạn chế rò rỉ carbon, bảo vệ hiệu quả chính sách khí hậu nội khối.
- Encourages global emission reductions through supply chain influence.
Thúc đẩy giảm phát thải toàn cầu thông qua tác động chuỗi cung ứng.
- Supports the achievement of Green Deal objectives.
Hỗ trợ thực hiện các mục tiêu Green Deal.

Limitations:

Hạn chế:

- Requires detailed, accurate, and transparent emissions data from third-country producers.
Đòi hỏi dữ liệu phát thải chi tiết, chính xác và minh bạch từ các nhà sản xuất ở nước thứ ba.
- Increases administrative costs for importers.
Tăng chi phí hành chính cho doanh nghiệp nhập khẩu.
- May adversely affect developing countries in the absence of adequate transition support mechanisms.
Có thể tác động bất lợi đến các nước đang phát triển nếu không có cơ chế hỗ trợ chuyển đổi phù hợp.

(g) **WTO Compatibility**
Tính tương thích với WTO

The EU asserts that CBAM has been designed in accordance with World Trade Organization (WTO) rules, ensuring the principle of equal treatment between domestic and imported products. CBAM is also regarded as a stepping stone toward the development of **cross-border carbon market linkages** in the future.

EU khẳng định CBAM được xây dựng phù hợp với các quy định của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), bảo đảm nguyên tắc đối xử bình đẳng giữa sản phẩm nội địa và nhập khẩu. CBAM cũng được xem là bước đệm cho việc hình thành các liên kết thị trường carbon xuyên quốc gia trong tương lai.

2. Vietnam–EU Trade Value
Kiểm ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và EU

CBAM is not solely a concern for steel or cement exporters; rather, it presents a broader challenge for Vietnam's entire economy – particularly given that the EU is one of Vietnam's largest export markets. *CBAM không chỉ là câu chuyện của doanh nghiệp xuất khẩu thép hay xi măng, mà là thách thức chung cho cả nền kinh tế Việt Nam – nhất là trong bối cảnh EU là một trong những thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam.*

- In 2024, **Vietnam's exports to the EU reached approximately USD 51.7 billion**, marking an **18.5%** increase compared to 2023 and setting a new record high.
Năm 2024, Việt Nam xuất khẩu khoảng 51,7 tỷ USD sang EU, tăng 18,5% so với năm 2023 và đạt mức cao nhất từ trước đến nay.
- Key export categories included: **electronics, computers, machinery, and mobile phone components**, with electronics alone accounting for nearly **USD 10.8 billion** and machinery for **USD 8.7 billion**.

Các mặt hàng chủ lực bao gồm: **thiết bị điện tử, máy tính, máy móc thiết bị và linh kiện điện thoại**, trong đó điện tử đạt gần **10,8 tỷ USD**, máy móc **8,7 tỷ USD**.

- **The EU accounted for around 10% of Vietnam's total export turnover** and remained Vietnam's second-largest trading partner, with a trade surplus of approximately **USD 35 billion** in 2024.
EU chiếm khoảng 10% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam và là đối tác thương mại lớn thứ hai của Việt Nam, với mức thặng dư thương mại ~35 tỷ USD trong năm 2024.
- The EU–Vietnam Free Trade Agreement (EVFTA), effective since 2020, has significantly enhanced the competitiveness of Vietnamese goods in the EU market – while also imposing stricter obligations related to sustainability standards.
Hiệp định EVFTA (có hiệu lực từ 2020) đã giúp gia tăng đáng kể khả năng cạnh tranh của hàng Việt Nam tại EU – nhưng cũng đi kèm nghĩa vụ tuân thủ các tiêu chuẩn bền vững ngày càng nghiêm ngặt.

As a high-standard market with strong environmental regulations, the EU is increasingly demanding traceability and emissions transparency across entire supply chains – including **the electricity sources used in manufacturing**.

Với đặc điểm là thị trường có tiêu chuẩn cao về môi trường, EU sẽ ngày càng yêu cầu truy xuất nguồn gốc và minh bạch phát thải trong toàn chuỗi cung ứng – trong đó có cả **nguồn điện sử dụng trong sản xuất**.

3. **Impact of CBAM on Vietnam's Energy Sector** **Tác động của CBAM đến ngành năng lượng Việt Nam**

Although CBAM does not currently apply directly to electricity exported from Vietnam, the country's energy sector will still be significantly affected in three key ways:

Mặc dù CBAM hiện chưa áp dụng trực tiếp lên sản phẩm điện tử Việt Nam, ngành năng lượng vẫn sẽ chịu tác động rõ rệt từ ba hướng:

(a) **Pressure to Decarbonize Export Supply Chains** **Áp lực xanh hóa chuỗi cung ứng xuất khẩu**

CBAM not only directly affects products subject to carbon tariffs (e.g., steel, cement), but also exerts **strong spillover pressure across the entire supply chains of non-CBAM sectors**, including textiles and garments, footwear, electronics, and wood processing.

CBAM không chỉ tác động trực tiếp đến các sản phẩm nằm trong danh mục áp thuế (như thép, xi măng), mà còn tạo áp lực lan tỏa mạnh mẽ đến toàn bộ chuỗi cung ứng của các ngành xuất khẩu không bị đánh thuế trực tiếp, trong đó có dệt may, da giày, điện tử, chế biến gỗ...

These industries consume significant amounts of electricity in various stages such as dyeing, molding, automated production, drying, and finishing. As a result, the **embedded carbon intensity** of these products can be very high if coal-fired power is used – which still accounts for over 40% of Vietnam's power generation mix, according to the 2023 Power Development Plan VIII.

Các ngành này tiêu thụ một lượng lớn điện năng trong các khâu như dệt nhuộm, ép khuôn, vận hành dây chuyền tự động hóa, hoặc sấy – nhuộm – hoàn tất. Do đó, cường độ carbon gián tiếp (embedded carbon) trong sản phẩm có thể rất cao nếu nguồn điện sử dụng đến từ nhiệt điện than – vốn vẫn chiếm hơn 40% trong cơ cấu điện Việt Nam (theo Quy hoạch điện VIII năm 2023).

Although these sectors are not subject to CBAM tariffs, **EU importers** are increasingly demanding supply chain transparency – including

electricity sources, emissions at each stage of production, and compliance with ESG standards. For example, major EU retailers such as H&M, IKEA, and Decathlon require Vietnamese suppliers to demonstrate the use of renewable energy or emissions reductions, using traceability tools like LCA (Life Cycle Assessment) or EPD (Environmental Product Declarations).

Mặc dù không bị áp thuế CBAM, các **nhà nhập khẩu EU** ngày càng yêu cầu minh bạch hóa chuỗi cung ứng – bao gồm **nguồn điện sử dụng, lượng phát thải trong từng khâu sản xuất**, và mức độ tuân thủ ESG. Ví dụ: các nhà bán lẻ lớn tại EU như H&M, IKEA, hay Decathlon đều yêu cầu nhà cung cấp tại Việt Nam chứng minh sử dụng năng lượng tái tạo hoặc giảm phát thải qua công cụ truy vết như LCA (Life Cycle Assessment) hoặc EPD (Environmental Product Declaration).

If Vietnamese enterprises fail to meet “low-carbon” criteria, they may be **deemed environmentally non-compliant**, which could result in: Nếu không đáp ứng các tiêu chí “carbon thấp”, doanh nghiệp Việt Nam có thể bị đánh giá là **không đạt chuẩn môi trường**, dẫn đến:

- Exclusion from the supplier lists of global brands; Bị loại khỏi danh sách nhà cung ứng của các thương hiệu toàn cầu;
- Disqualification in EU public “green procurement” bidding processes; Không đạt điểm trong hệ thống đấu thầu “mua sắm xanh” công của EU;
- Ineligibility for eco-label certifications, limiting access to premium market segments. Khó đạt tiêu chuẩn chứng nhận sinh thái (eco-label) để tiếp cận thị trường cao cấp.

Beyond market access, international financial institutions such as the International Finance Corporation (IFC), the Asian Development Bank (ADB), and European banks have also begun assessing the **carbon footprint of entire supply chains** when financing Vietnamese

enterprises. Companies relying on electricity from a carbon-intensive grid may struggle to meet eligibility criteria for preferential lending (green finance), thereby limiting their capacity for expansion and investment.

Ngoài thị trường, các tổ chức tài chính quốc tế như IFC (Tổ chức Tài chính Quốc tế), ADB (Ngân hàng Phát triển Châu Á), và các ngân hàng châu Âu khi tài trợ cho doanh nghiệp Việt Nam cũng bắt đầu đánh giá **carbon footprint của toàn bộ chuỗi cung ứng**. Một doanh nghiệp sử dụng điện từ lưới lưới carbon-intensive sẽ khó đạt điều kiện vay vốn ưu đãi (green finance), ảnh hưởng đến năng lực đầu tư mở rộng.

Therefore, greening the supply chain – particularly in terms of energy sourcing – is no longer optional but a mandatory requirement if Vietnam aims to maintain its market share in the EU and secure access to green financing in the near future.

Do vậy, việc xanh hóa chuỗi cung ứng – đặc biệt ở khâu năng lượng – không còn là lựa chọn, mà là yêu cầu bắt buộc nếu Việt Nam muốn duy trì thị phần tại EU và tiếp cận vốn tín dụng xanh trong tương lai gần.

(b) **Driving the Restructuring of Vietnam’s Energy Mix** **Thúc đẩy tái cấu trúc danh mục năng lượng**

Vietnam has pledged to achieve net-zero emissions by 2050, as announced at COP26, and is actively negotiating and implementing mechanisms under the Just Energy Transition Partnership (JETP). In this context, **the EU’s CBAM serves as a strong policy catalyst**, compelling Vietnam to accelerate its transition toward clean energy in order to preserve its export competitiveness. However, several major obstacles remain:

Việt Nam đã công bố mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0” (Net Zero) vào năm 2050 tại COP26, đồng thời đang tích cực đàm phán và triển khai các cơ chế hỗ trợ chuyển dịch năng lượng công bằng (JETP). Trong bối cảnh đó, **CBAM của EU trở thành một “cú hích chính sách” mạnh mẽ**, buộc Việt Nam phải đẩy nhanh tiến trình chuyển dịch

sang năng lượng sạch để giữ vững năng lực cạnh tranh xuất khẩu. Tuy nhiên, trên thực tế, Việt Nam vẫn gặp nhiều rào cản lớn về:

- A weak and locally overloaded power transmission infrastructure;
Hạ tầng truyền tải điện yếu và quá tải cục bộ;
- Direct Power Purchase Agreements (DPPA) exist in policy but lack enforceable implementation;
Cơ chế mua bán điện trực tiếp (DPPA) có chính sách nhưng thiếu khả năng thực thi;
- Vietnam's electricity market is not yet fully competitive;
Thị trường điện Việt Nam chưa thực sự cạnh tranh;
- Renewable energy pricing remains unresolved, and post-FIT tariff frameworks are still unclear;
Vấn đề về giá điện tái tạo chưa được giải quyết dứt điểm và chính sách giá "hệ FIT" chưa thực sự rõ ràng;

Without meaningful improvements, Vietnam's economy risks **losing export competitiveness**, facing limited access to international climate finance, and missing the opportunity to reposition itself within a rapidly evolving global value chain.

*Như vậy, nếu không cải thiện, nền kinh tế sẽ đối mặt với nguy cơ **mất năng lực cạnh tranh xuất khẩu**, khó tiếp cận các quỹ tài chính khí hậu quốc tế, và bỏ lỡ cơ hội chuyển mình trong chuỗi giá trị toàn cầu đang tái định hình.*

(c) **Limited Access to Capital Without Decarbonization**
Giảm cơ hội tiếp cận vốn nếu không xanh hóa

CBAM does not only create technical or trade-related pressures; it is also reshaping global capital flows toward greener and more sustainable directions. In this context, if Vietnam's energy sector – particularly coal-fired power – fails to establish a clear transition strategy, it will face increasing difficulties in accessing international financing. Major financial institutions such as the International Finance

Corporation (IFC), the Asian Development Bank (ADB), the Japan International Cooperation Agency (JICA), and European development banks now apply strict Environmental, Social, and Governance (ESG) criteria and have committed to phasing out financing for coal-fired power plants and high-emission infrastructure. Moreover, many global commercial banks have joined initiatives such as the Net-Zero Banking Alliance, under which they refuse to fund projects inconsistent with the goal of achieving carbon neutrality by 2050.

CBAM không chỉ tạo ra áp lực về kỹ thuật hay thương mại, mà còn tái định hình dòng vốn toàn cầu theo hướng xanh hóa và bền vững. Trong bối cảnh đó, nếu ngành năng lượng Việt Nam – đặc biệt là khu vực nhiệt điện – không có chiến lược chuyển đổi rõ ràng, sẽ ngày càng gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn tài chính quốc tế. Các tổ chức tài chính lớn như IFC, ADB, JICA (Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản) hay các ngân hàng phát triển châu Âu hiện đều áp dụng bộ tiêu chí môi trường – xã hội – quản trị (ESG) và cam kết ngừng tài trợ cho các dự án nhiệt điện than hoặc các cơ sở phát thải cao. Thậm chí, nhiều ngân hàng thương mại toàn cầu đã tham gia các sáng kiến như Net-Zero Banking Alliance, qua đó từ chối cấp vốn cho các dự án không phù hợp với mục tiêu trung hòa carbon vào năm 2050.

Not only new coal-fired power projects, but also technology transition projects at existing plants – such as conversions from coal to biomass or hydrogen – face financing challenges in the absence of a clear, measurable, and transparent emissions reduction roadmap. International financial institutions increasingly demand concrete evidence of emissions mitigation effectiveness, rather than relying solely on formal commitments. In the current context – characterized by a lack of regulatory frameworks for transition projects and the absence of unified standards for emissions assessment – Vietnam's power sector is facing a significantly constrained ability to attract green capital. This challenge affects not only coal-fired power plants but also creates broader ripple effects across the entire energy infrastructure, particularly in transmission and storage systems – both of which are critical enablers for scaling up renewable energy. When international

capital cannot be mobilized for grid upgrades or long-term investment in flexible energy systems, the energy transition process risks slowing down or becoming stuck at technical bottlenecks. Meanwhile, domestic private investors are often unable to fill this gap due to limitations in capital scale and high borrowing costs.

Không chỉ các dự án điện than mới, mà ngay cả các dự án chuyển đổi công nghệ tại nhà máy hiện hữu – ví dụ như chuyển từ than sang sinh khối hoặc hydro – cũng khó tiếp cận vốn nếu thiếu một lộ trình giảm phát thải rõ ràng, đo lường được và minh bạch. Các tổ chức tài chính quốc tế ngày càng yêu cầu bằng chứng cụ thể về hiệu quả giảm phát thải, chứ không chỉ dừng lại ở các cam kết hình thức. Trong điều kiện thiếu hành lang pháp lý cho các dự án chuyển đổi, và chưa có chuẩn mực thống nhất về đánh giá phát thải, khả năng thu hút dòng vốn xanh của ngành điện Việt Nam đang bị thu hẹp đáng kể. Tình trạng này không chỉ ảnh hưởng đến các nhà máy nhiệt điện mà còn tạo ra hiệu ứng lan tỏa đến toàn bộ hạ tầng năng lượng, đặc biệt là hệ thống truyền tải và lưu trữ – vốn là điều kiện tiên quyết để phát triển năng lượng tái tạo ở quy mô lớn. Khi vốn quốc tế không thể chảy vào các dự án nâng cấp lưới điện hoặc đầu tư dài hạn cho hệ thống năng lượng linh hoạt, tiến trình chuyển đổi sẽ bị chậm lại hoặc mắc kẹt trong các nút thắt kỹ thuật. Trong khi đó, bản thân các nhà đầu tư tư nhân trong nước lại khó bù đắp khoảng trống này do giới hạn về quy mô vốn và chi phí vay cao.

In addition, companies that fail to meet ESG standards will be ineligible to issue green bonds, access concessional financing, or benefit from international climate funds such as the Green Climate Fund. Exclusion from “low-carbon” investment portfolios also means higher capital costs, lower credit ratings, and the risk of being classified by international financial markets as “brown assets” – assets associated with environmental risks. As increasingly stringent emissions standards become de facto market entry barriers, failure to decarbonize is no longer just an environmental lag – it represents a systemic financial risk. Ngoài ra, các doanh nghiệp không đạt chuẩn ESG cũng sẽ không đủ điều kiện để phát hành trái phiếu xanh, vay vốn ưu đãi, hoặc tiếp cận các quỹ khí hậu quốc tế như Quỹ khí hậu xanh (Green Climate Fund).

Việc bị loại khỏi các danh mục đầu tư “carbon thấp” đồng nghĩa với việc phải chấp nhận chi phí vốn cao hơn, mức tín nhiệm thấp hơn và chịu rủi ro bị thị trường tài chính quốc tế phân loại là “brown assets” – tức tài sản gây rủi ro môi trường. Trong bối cảnh các tiêu chuẩn khắt khe về phát thải ngày càng trở thành rào cản thị trường, thì việc không xanh hóa không chỉ là chậm tiến về môi trường mà còn là rủi ro tài chính mang tính hệ thống.

4. Kết luận Conclusion

CBAM serves as an early warning for Vietnam on its energy transition journey and efforts to reposition within global supply chains. The mechanism does not merely impose emissions reduction pressure on a few export sectors – it has direct implications for the development strategy of the entire national energy system, including power generation structure, market governance mechanisms, and access to international capital. Without timely resolution of legal, infrastructure, and pricing policy bottlenecks, Vietnam risks falling behind in the accelerating global race toward decarbonization. Conversely, if leveraged effectively, CBAM can be a powerful catalyst for Vietnam to enhance its competitiveness, attract high-quality investment, and gradually realize its Net Zero target by 2050.

CBAM là lời cảnh báo sớm cho Việt Nam trong hành trình chuyển đổi năng lượng và tái định vị trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Cơ chế này không chỉ tạo áp lực giảm phát thải cho một số ngành xuất khẩu cụ thể, mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến chiến lược phát triển của toàn bộ hệ thống năng lượng quốc gia – từ cấu trúc nguồn điện, cơ chế điều hành thị trường, đến khả năng tiếp cận vốn quốc tế. Nếu không sớm tháo gỡ các điểm nghẽn về pháp lý, hạ tầng và chính sách giá, Việt Nam sẽ tụt lại trong cuộc đua xanh hóa đang tăng tốc trên toàn cầu. Ngược lại, nếu tận dụng tốt động lực từ CBAM, đây có thể là cơ hội để Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư chất lượng cao và từng bước hiện thực hóa mục tiêu Net Zero vào năm 2050.



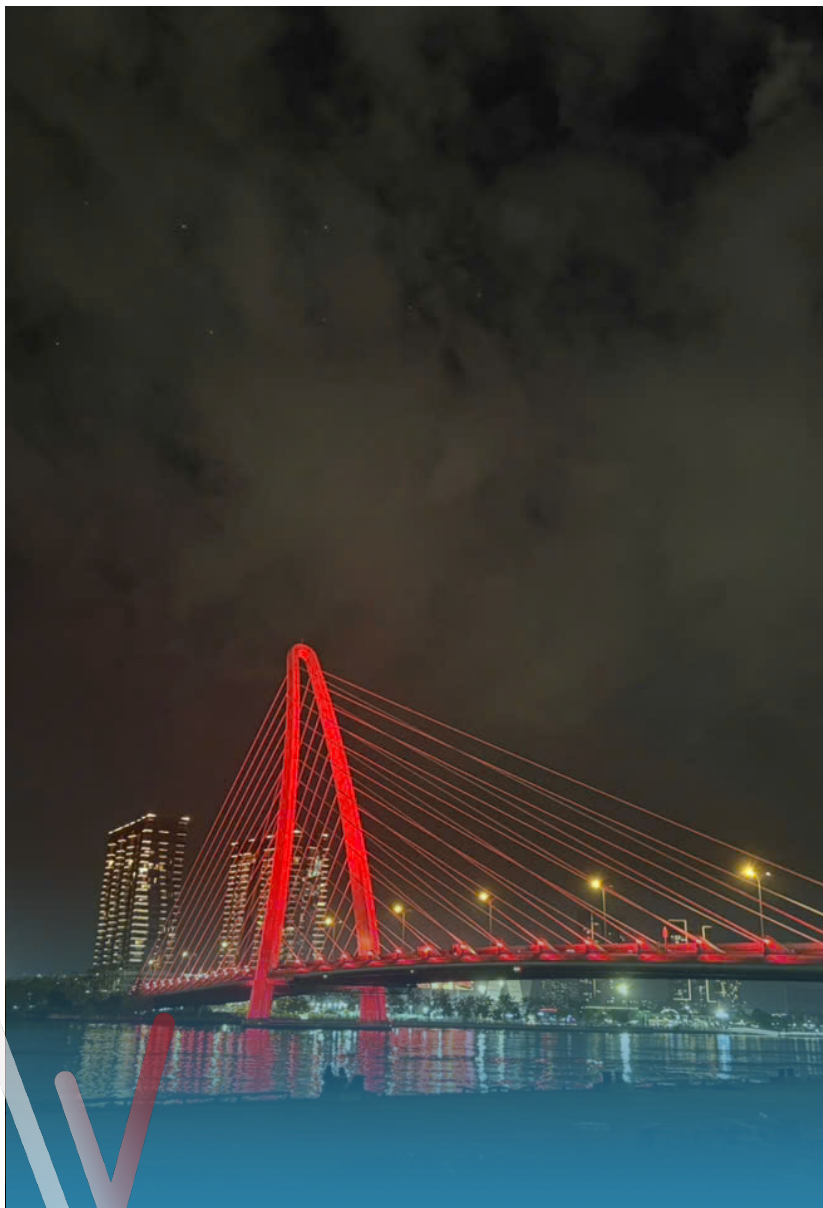
ABOUT VILASIA VỀ VILASIA

At Vilasia, we dedicate our full expertise and empathy to every client's cause. Our aim is not just to meet but to exceed your expectations without introducing unnecessary complexity or cost. With direct partner involvement, we ensure that you benefit directly from our deep experience and specialized knowledge. We maintain transparent, fixed fees, allowing us to focus solely on delivering the highest quality service and the quickest turnaround possible.

Chúng tôi dành toàn tâm, toàn ý cho mọi vấn đề. Mục tiêu của chúng tôi không chỉ là đáp ứng mà còn vượt ngoài mong đợi của khách hàng bằng chất lượng chuyên môn lẫn hiệu quả kinh tế. Luật sư hợp danh (partner) đều trực tiếp tham gia xử lý hoặc giám sát chặt chẽ công việc để bảo đảm rằng khách hàng hưởng lợi từ kinh nghiệm sâu rộng của những luật sư kỳ cựu nhất. Chúng tôi áp dụng mức phí minh bạch, cố định, và như thế chúng tôi có thể tập trung hoàn toàn vào việc cung cấp dịch vụ với chất lượng cao nhất trong thời gian ngắn nhất có thể.

By fostering a culture of close collaboration with clients, Vilasia supports a broader mission to encourage equitable economic growth and innovation throughout Vietnam. We engage in every case with a full heart and a sharp mind, ensuring that the legal support we offer is not just effective but also deeply empathetic and aligned with your real needs.

Bằng cách làm việc sâu sát với khách hàng, Vilasia theo đuổi sứ mệnh thúc đẩy tăng trưởng kinh tế công bằng và đổi mới sáng tạo trên khắp Việt Nam. Chúng tôi tham gia vào mọi dự án với trái tim nhiệt thành và trí óc sắc bén, để sự hỗ trợ pháp lý mà chúng tôi cung cấp không chỉ hiệu quả mà còn thấu cảm sâu sắc và phù hợp với nhu cầu thực tế của khách hàng.



VILASIA EMBODIES A UNIQUE BLEND OF: VILASIA LÀ SỰ KẾT HỢP ĐỘC ĐÁO GIỮA:



Youthful Zeal and
Seasoned Expertise
*Nhiệt Huyết Trẻ Trung và
Kinh Nghiệm Dày Dặn*



Theoretical Knowledge
and Practical Application
*Lý Thuyết Sâu Rộng và
Ứng Dụng Thực Tế*



Global Professional
Standards and Deep
Local Insights
*Tiêu Chuẩn Quốc Tế và
Am Hiểu Địa Phương*



Traditional Values with
Modern Technologies
*Giá Trị Truyền Thống và
Công Nghệ Hiện Đại*



Profit Seeking with Social
Contribution
*Tìm Kiếm Lợi Nhuận và
Cống Hiến Cộng Đồng*



Adaptive Flexibility with
Structured Governance
*Thích Ứng Linh Hoạt
và Quản Trị Chặt Chẽ*

CONTACT US
LIÊN HỆ VỚI CHÚNG TÔI

Visit Our Website
Website

www.vil.asia

Visit Our LinkedIn
LinkedIn

<https://www.linkedin.com/company/vilasia/>

Call Us
Điện thoại

(+84)286.270.8696

Email Us
Email

partners@vil.asia

Meet Us in Person
Gặp mặt trực tiếp

Aqua 1, Vinhomes Golden River 2
Ton Duc Thang
District 1, HCMC, Vietnam
Aqua 1, Vinhomes Golden River 2
Tôn Đức Thắng
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam



Ngu Truong
Managing Partner
ngutruong@vil.asia



Kien Doan
Associate
kiendoan@vil.asia



Trang Nguyen
Senior Associate
thuytrangnguyen@vil.asia